

Công năng, chủ trị của một số vị thuốc Nam thường dùng tại miền Bắc Việt Nam

MEDICAL PROPERTIES, TREATMENT OF FREQUENTLY USED TRADITIONAL HERBS IN NORTHERN VIETNAM

Bùi Thị Phương, Nguyễn Tiến Chung, Phạm Vũ Khánh

Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả công năng, chủ trị của một số vị thuốc nam thường dùng tại miền Bắc Việt Nam.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Thống kê, đối sánh, luận suy kết hợp xin ý kiến đồng thuận chuyên gia. Thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2023.

Kết quả: Nghiên cứu xác định được công năng chủ trị của 102 vị thuốc nam. 17 vị thuốc có công năng, chủ trị bệnh Hô hấp (53% điều trị Đàm ảm); 13 vị thuốc có công năng, chủ trị bệnh Tiêu hóa (23% điều trị Tiết tả); 23 vị thuốc có công năng chủ trị bệnh Tiết niệu- sinh dục (61% điều trị Lâm chứng); 21 vị thuốc có công năng, chủ trị bệnh Cơ xương khớp (90% điều trị chứng Tý); 9 vị thuốc có công năng, chủ trị bệnh Thần kinh- tâm thần (44% điều trị Thất miên); 19 vị thuốc có công năng, chủ trị bệnh khác (47% điều trị Viêm da...).

Kết luận: Mô tả được công năng chủ trị của 102 vị thuốc nam, nhóm bệnh thường tập trung vào 3 nhóm bệnh chính Tiết niệu - sinh dục; Cơ xương khớp và Hô hấp chiếm trên 60%.

Từ khóa: Công năng, chủ trị, thuốc nam.

SUMMARY

Objectives: To describe the medicinal properties and indications of frequently used traditional herbs in Northern Vietnam.

Subjects and methods: The research was conducted from June 2023 to October 2023 by investigating, interviewing and collecting herbs in the community; following by statisticizing, comparing and asking for consensus agreement from experts.

Results: The study successfully determined the properties and indications of 102 communal herbs. Respiratory diseases: 17 herbs (53% are indicated for asthma); Digestive diseases: 13 herbs (23% are indicated for diarrhea); Urinary-genital diseases 23 herbs: (61% are indicated for urination tract disorders); Musculoskeletal diseases: 21 herbs (90% are indicated for musculoskeletal pain); neurological and mental diseases: 9 herbs (44% are indicated for insomnia); other diseases: 19 herbs (47% are indicated for Dermatitis).

Conclusions: The study successfully described the properties and indications of 102 herbs, focusing on 3 groups: Urinary - genital; Musculoskeletal and Respiratory accounts for over 60%.

Keywords: Medicinal properties, treatment, vietnamese traditional herbs.

Tác giả liên hệ: Bùi Thị Phương

Số điện thoại: 0973712485

Email: Bichphuong0895@gmail.com

Mã DOI: <https://doi.org/10.60117/vjmap.v54i01.269>

Ngày nhận bài: 03/11/2023

Ngày phản biện: 26/02/2024

Ngày chấp nhận đăng: 27/05/2024



ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền chiếm trung bình khoảng 15% so với tuyến công lập, khảo sát thấy nhu cầu sử dụng dược liệu là 60 - 80 nghìn tấn/ năm, trong đó dược liệu thuốc nam chiếm khoảng 30% [1], [2]. Nhiều vị thuốc nam được sưu tầm và sử dụng nhiều trong hoạt động khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập cũng như hệ thống phòng chẩn trị nhưng chưa được phân loại, sắp xếp và chuẩn hóa khoa học và hệ thống. Một số vị thuốc nam đang được sử dụng nhưng chưa được xác định rõ công năng, chủ trị theo lý luận của y học cổ truyền. Nhiều tài liệu mô tả về các vị thuốc nam với tác dụng chữa bệnh còn mang tính kinh nghiệm, chưa hệ thống và mang tính “đông dược trị tây bệnh” [3]. Những điều này phần nào ảnh hưởng tới bản sắc và sự phát triển của y học cổ truyền. Với mục đích góp phần hiểu rõ hơn về tác dụng của một số vị thuốc nam thường dùng, có thêm góc nhìn cụ thể, chi tiết về đặc tính của vị thuốc, góp phần chuẩn hóa và cập nhật thông tin danh mục vị thuốc nam thường dùng trong cộng đồng, phục vụ nhu cầu trong chăm sóc sức khỏe nhân dân và nhu cầu tra cứu, thúc đẩy việc sử dụng thuốc nam sẵn có trong phòng và chữa bệnh theo phương châm “nam dược trị nam nhân, đông y liệu đông bệnh”, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: mô tả công năng, chủ trị của một số vị thuốc nam thường dùng tại miền Bắc Việt Nam.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

- Vị thuốc nam thường dùng được mô tả thu thập từ cộng đồng thông qua hoạt động điều tra phỏng vấn;
- Người cung cấp thông tin về vị thuốc nam: Người dân bản địa, là hội viên của Hội Đông y cấp huyện trở lên;
- Chuyên gia, người am hiểu về thuốc nam: Giảng viên giảng dạy về y học cổ truyền, người làm công tác kế thừa thuốc nam, người làm công tác chuyên môn tại Hội Đông y cấp huyện trở lên.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Thái Nguyên, Tuyên Quang và Hà Nội.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2023.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu:

Sử dụng phương pháp điều tra thống kê mô tả trong việc thu thập thông tin về vị thuốc nam; Phương pháp đối sánh, luận suy theo lý-pháp-phương-dược của y học cổ truyền và phương pháp đồng thuận chuyên gia trong việc xác định công năng, chủ trị của vị thuốc.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

102 vị thuốc, lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện.

Công cụ và phương pháp thu thập thông tin:

Công cụ sử dụng trong nghiên cứu là biểu mẫu thu thập thông tin, sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả, đối sánh, luận suy và đồng thuận chuyên gia.

Đạo đức trong nghiên cứu

Đề tài được thông qua hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu thu được trong nghiên cứu sẽ được thống kê, phân tích và xử lý bằng phần mềm Microsoft excel 2016 và SPSS 22.0. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, tính tỉ lệ % và mô tả, đối sánh công năng, chủ trị của các vị thuốc.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thực trạng của các vị thuốc nam

Bảng 1. Số lượng vị thuốc nam chia theo địa điểm

TT	Tên địa điểm	Số lượng vị thuốc	Tỉ lệ %
1	Thái Nguyên	39	38,2
2	Tuyên Quang	27	26,5
3	Ba Vì - Hà Nội	36	35,3
Tổng số		102	100



Nhóm nghiên cứu thu thập 102 vị thuốc nam tại 3 tỉnh: Nhiều nhất ở Thái Nguyên (38,2%), Ba Vì (35,3%) và Tuyên Quang (26,5%).

Công năng, chủ trị của các vị thuốc nam

Từ 102 vị thuốc được xác định, công năng chủ trị của vị thuốc được phân nhóm theo tác dụng thường được sử dụng. Kết quả được mô tả như sau:

Bảng 2. Công năng, chủ trị vị thuốc điều trị bệnh hô hấp

TT	Tên vị thuốc	Công năng	Chủ trị
1	Bồ bồng	Khử đàm định suyễn	Đàm ảm, khí suyễn
2	Cây bọ mả	Thanh nhiệt, sinh tân, giải độc	Cảm thử, thấp nhiệt tỳ vị
3	Cây cứt lợn	Sơ phong thanh nhiệt, thấu chẩn	Tỳ viêm do cảm nhiễm thời tà
4	Củ chóc chuột	Hoá đàm táo thấp, giáng nghịch chỉ ẩu	Ho đờm nhiều
5	Củ sả tía	Ôn trung trừ hàn, phát hãn giải biểu	Tỳ vị hư hàn, hàn thấp phạm phế
6	Cúc tần lá	Phát tán phong hàn, tiêu đàm giải biểu	Cảm mạo, thấp chẩn bì phu
7	Dây tơ hồng	Bổ thận ích phế, trừ đàm định suyễn	Suyễn tức thể thận hư
8	Hoa đu đủ đực	Ích phế trừ đàm	Khái thấu
9	Lá bưởi	Tán khí, thông kinh lạc, giải biểu	Ho, hắt hơi do hàn thấp
10	Lá nhót chua	Chỉ khái, bình suyễn	Cảm mạo phong hàn, ho
11	Lá rẻ quạt	Khu phong giải biểu, tuyên phế	Cảm mạo phong hàn
12	Lá táo chua	Giáng nghịch, hạ khí bình suyễn	Khí nghịch, suyễn tức
13	Lược vàng	Giải độc, nhuận phế, hóa đàm	Nhiệt đàm khái thấu.
14	Tai tượng xanh	Thanh nhiệt hóa đàm, chỉ khái	Phong nhiệt khái thấu
15	Xương sông	Ôn phế hóa đàm, chỉ khái	Khái thấu thể hàn đàm
16	Cóc mẩn	Khu phong, tán hàn, ôn phế, chỉ khái	Khái thấu thể phong hàn
17	Xuyên tâm liên	Thanh nhiệt giải độc	Ho, cảm mạo

17 vị thuốc nhóm Hô hấp. Trong đó: 53% có công năng trừ đàm dùng điều trị Đàm ảm, Khái thấu; 41% có công năng giải biểu tán hàn

dùng điều trị cảm mạo phong hàn...; 23% có công năng thanh nhiệt giải độc, ôn phế hóa đàm dùng điều trị nhiệt đàm.

Bảng 3. Công năng, chủ trị vị thuốc điều trị bệnh tiêu hóa

TT	Tên vị thuốc	Công năng	Chủ trị
1	Cây bọ mả	Thanh nhiệt, lương huyết, giải độc	Khẩu sang thể tỳ vị thấp nhiệt
2	Chỉ thiên	Thanh nhiệt, giải độc	Thấp nhiệt can tỳ
3	Chó đẻ răng cưa	Thanh nhiệt giải độc, lợi thủy	Thấp nhiệt, nhiệt độc
4	Lá khô tía	Sơ can, hoạt huyết chỉ thống	Vị quản thống
5	Lá nhội	Sáp trường chỉ tả	Tiết tả
6	Lá thổ mật	Sáp trường, giải độc	Tiết tả
7	Lá vú sữa	Hoạt huyết, tán ứ, chỉ thống	Vị quản thống thể khí trệ, huyết ứ
8	Mơ lông	Sáp trường, giải độc	Tiết tả
9	Nhân trần bồ bồ	Thanh nhiệt, lợi đờm	Can kinh thấp nhiệt
10	Quả dứa dại	Thanh nhiệt, giải độc, lợi thủy	Thấp nhiệt can kinh
11	Sa nhân tím	Ôn trung trừ hàn, hành khí, kiện tỳ	Trung tiêu hư hàn
12	Tai tượng đuôi chồn	Thanh nhiệt trừ thấp, chỉ tả	Lỵ tật, phúc thống thể thấp nhiệt
13	Vỏ rụt	Hành khí ôn trung trừ hàn	Tiết tả do hàn thấp



13 vị thuốc nhóm chủ trị bệnh Tiêu hóa. Trong trường chỉ tả điều trị tiết tả; 23% có công năng: đó: 31% có công năng: Thanh nhiệt, giải độc để Sơ can giải uất, hoạt huyết tán ứ, chỉ thống dùng điều trị Tỳ vị thấp nhiệt...; 30% có công năng: Sáp điều trị vị quản thống, trung tiêu hư hàn.

Bảng 4. Công năng, chủ trị vị thuốc điều trị bệnh tiết niệu sinh dục

TT	Tên vị thuốc	Công năng	Chủ trị
1	Bạch đồng nữ	Thanh nhiệt, giải độc, khử ứ bài nùng	Thấp nhiệt hạ tiêu
2	Cải trời	Thanh can tả hỏa, giải độc tiêu ứ	Thấp nhiệt can kinh
3	Cam thảo đất	thanh nhiệt giải độc, lợi thủy	Nhiệt độc can kinh
4	Cây bông tai	Hoạt huyết, chỉ thống, điều kinh	Khí hư, mụn nhọt
5	Cỏ màn trâu	Thanh nhiệt, lương huyết, lợi niệu	Lâm chứng
6	Củ gấu	Hành khí giải uất	Can khí uất trệ, phúc thống
7	Dây hạt bí	Thanh nhiệt, lợi thủy tiêu thũng	Tiểu bí, tiểu rắt
8	Dây mảnh bát	Thanh nhiệt trừ thấp	Thấp nhiệt hạ tiêu
9	Dừa nước	Thanh nhiệt, lợi niệu tiêu thũng	Nhiệt lâm, thấp nhiệt bì phu
10	Lá cối xay	Lợi thủy, thanh nhiệt tả hỏa	Thủy thũng, Thấp nhiệt
11	Lá giang	Thanh nhiệt, khử ứ thông lâm	Can kinh, hạ tiêu thấp nhiệt
12	Lá vối	Thanh nhiệt giải độc, lợi thủy trừ thấp	Nhiệt lâm, cao lâm
13	Mảnh cộng	Thanh nhiệt, lợi thủy tiêu thũng	Nhiệt lâm, thấp nhiệt
14	Mía dò	Thanh nhiệt giải độc, tiêu thũng	Bàng quang thấp nhiệt
15	Mò tím	Bình can, hoạt huyết, tán ứ	Kinh nguyệt không đều
16	Ngải cứu	Ôn kinh, tán hàn chỉ thống	Xung nhâm thất điều
17	Phèn đen	Thanh nhiệt trừ thấp, chỉ huyết	Xuất huyết thể thấp nhiệt tràng vị
18	Rau diếp cá	Giải độc	Can kinh thấp nhiệt
19	Râu mèo	Thanh nhiệt, lợi đởm thông lâm	Can kinh, hạ tiêu thấp nhiệt
20	Thài lài	Thanh nhiệt, giải độc	Thấp nhiệt hạ tiêu
21	Thân dứa dại	Thanh nhiệt, lợi thủy, giải độc	Thấp nhiệt hạ tiêu
22	Vọng cách	Thanh nhiệt, lợi thấp, giải độc	Hạ tiêu, tràng vị thấp nhiệt
23	Râu ngô	Thanh nhiệt lương huyết, lợi thủy	Lâm chứng thể nhiệt lâm

23 vị thuốc nhóm chủ trị bệnh Tiết niệu - sinh dục. Cụ thể: 61% có công năng: Thanh nhiệt, giải độc, lợi thủy, tiêu thũng dùng điều trị chứng Thấp nhiệt hạ tiêu, nhiệt lâm; 13% có công năng: Hoạt huyết, chỉ thống, điều kinh dùng điều trị khí hư, mụn nhọt...



Bảng 5. Công năng, chủ trị vị thuốc điều trị bệnh cơ xương khớp

TT	Tên vị thuốc	Công năng	Chủ trị
1	Cây vòi voi	Hoạt huyết tiêu sưng, tán ứ chỉ thống	Chứng tý thể thấp nhiệt, huyết ứ
2	Cỏ xước rễ	Hoạt huyết khứ ứ, bổ can thận	Phong thấp, đau nhức xương khớp
3	Cỏ xước thân	Hoạt huyết, điều huyết	Chứng tý, ma mọc
4	Cúc tần thân	Sơ can, lý khí	Hiếp thống thể khí trệ can kinh
5	Dây chìa vôi	Hoạt huyết thư cân, dưỡng cốt.	Can thận hư tý chứng
6	Dây chiêu	Trừ phong thấp.	Phong thấp hàn tý
7	Dây đau xương	Khu phong, trừ thấp, hoạt lạc	Phong tê thấp
8	Dây gắm	Trừ phong thấp, hoạt huyết tán ứ	Chứng tý thể phong hàn thấp
9	Dây kí ninh	Hoạt huyết khứ ứ, thông lạc chỉ thống	Chứng tý, ma mọc
10	Dây xấu hổ	Hoạt huyết thông kinh, trừ phong thấp	Chứng tý thể phong thấp
11	Hạt tơ hồng	Bổ dương, ích tinh, dưỡng cân cốt	Yêu thống, chứng cốt tý
12	Lá thanh táo	Hoạt huyết khứ ứ, lợi thủy tiêu sưng	Sang thương huyết ứ
13	Náng hoa trắng	Hoạt huyết tán ứ, tiêu sưng chỉ thống	Sang thương huyết ứ
14	Ngũ gia bì	Khu phong trừ thấp	Phong hàn thấp tý
15	Ráy leo	Trừ thấp, khứ ứ bài nùng	Sang thương huyết ứ
16	Rễ lá lốt	Ôn kinh tán hàn, hành khí chỉ thống	Phong hàn thấp
17	Thiên niên kiện	Bổ can thận, thông kinh lạc	Chứng tý thể phong hàn thấp
18	Trầu lá gai	Khư phong tán hàn, ôn thông kinh lạc	Chứng tý, sang thương
19	Vỏ cây gạo	Trừ phong, hoạt huyết thông kinh	Chứng tý
20	Cà gai leo	Trừ phong thấp, giải độc	Đau lưng, tăng men gan
21	Thân lá lốt	Ôn trung tán hàn, hạ khí chỉ thống	Đau nhức tay chân do hàn thấp

21 vị thuốc nhóm chủ trị bệnh Cơ xương khớp. Trong đó: 90% có công năng: Khu phong, trừ thấp, chỉ thống dùng điều trị chứng tý, ma mọc...; 14% có công năng: Hoạt huyết tán ứ, tiêu sưng, chỉ thống điều trị sang thương, huyết ứ..

Bảng 6. Công năng, chủ trị vị thuốc điều trị bệnh thần kinh tâm thần

TT	Tên vị thuốc	Công năng	Chủ trị
1	Bạch hạc	Thanh nhiệt, giáng hỏa	Huyễn vựng thể can dương vượng
2	Đình lăng	Ích khí kiện tỳ, dưỡng tâm an thần	Tâm tỳ huyết hư sinh thất miên
3	Dừa cạn	Thanh nhiệt, lợi thủy	Can huyết nhiệt
4	Lá sen	Trừ phiền, dưỡng tâm, an thần	Âm huyết hư nội nhiệt nhiễu tâm
5	Lá vông	Thanh can, an thần	Mất ngủ, tâm căn suy nhược.
6	Lạc tiên	Dưỡng tâm, an thần, chỉ thống	Thất miên, tâm căn suy nhược
7	Mò mâm xôi	Thanh can lương huyết, lợi niệu	Huyễn vựng thể can dương vượng
8	Rau má	Thanh nhiệt lợi niệu tiêu sưng	Huyết nhiệt
9	Chè vằng	Thanh nhiệt, giải độc, an thần	Mất ngủ, cao huyết áp

9 vị thuốc nhóm chủ trị bệnh Thần kinh-tâm thần. Trong đó: 44% có công năng: Dưỡng tâm, an thần để điều trị thất miên thể tâm căn suy nhược và tâm tỳ huyết hư; 33% vị thuốc có công năng: Thanh nhiệt, giáng hỏa, giải độc dùng điều trị tăng huyết áp.



Bảng 7. Công năng, chủ trị vị thuốc điều trị bệnh khác

TT	Tên vị thuốc	Công năng	Chủ trị
1	Bạch hoa xà	Thanh nhiệt giải độc, khứ ứ bài nùng	Thấp nhiệt can tỳ, ung nùng
2	Bồ cu vẽ	Thanh thấp nhiệt, hóa ứ trệ	Đình nhọt, viêm da
3	Cỏ mực	Lương huyết chỉ huyết, bổ can thận	Can thận âm hư xuất huyết
4	Củ gai tươi	Lương huyết, chỉ huyết	Xuất huyết do huyết nhiệt.
5	Kim ngân hoa	Thanh nhiệt giải độc	Huyết nhiệt, nhiệt độc.
6	Lá đơn đỏ	Khu phong trừ thấp, lợi tiểu	Dị ứng nổi mề đay, mẩn ngứa
7	Lá tiết dê	Thanh can tiết nhiệt, giải độc tiêu thũng	Can kinh thấp nhiệt
8	Quả lộc vừng	Chỉ thống	Nha chu thống
9	Sài đất	Thanh nhiệt giải độc	Thấp chẩn
10	Tháp bút	Tán phong, giải cơ, lợi tiểu	Mắt sưng đỏ đau, bí tiểu tiện
11	Trâu cổ	Tiêu ứ hoạt huyết	Ứ huyết kinh lạc
12	Xạ đen	Thanh nhiệt giải độc, tiêu ứ hóa thũng	Ung nùng thể thấp nhiệt
13	Giảo cổ lam	Thanh nhiệt giải độc	Thấp nhiệt, Huyết nhiệt
14	Củ ráy đại	Thanh nhiệt giải độc	Tăng mỡ máu
15	Kim ngân đằng	Thanh nhiệt giải độc	Ban chẩn, mụn nhọt
16	Lá mỏ quạ	Hoạt huyết khứ ứ, thư cân	Vết thương ung nùng, mụn nhọt
17	Rau sam	Thanh nhiệt giải độc, lợi niệu tiêu ứ	Huyết nhiệt
18	Cây cỏ máu	Thông kinh lạc, hành huyết	Khí huyết hư suy
19	Lá khế chua	Thanh nhiệt, giải độc	Nhiệt độc tam tiêu

19 vị thuốc thuộc nhóm chủ trị bệnh khác. Trong đó: 47% có công năng: Thanh nhiệt giải độc, khứ ứ bài nùng dùng điều trị viêm da, mụn nhọt; 21% có công năng: Thanh can tiết nhiệt, giải độc, tiêu thũng dùng điều trị nhiệt độc tam tiêu...

BÀN LUẬN

Theo lý luận y học cổ truyền, mỗi chứng bệnh đều có căn nguyên, có cơ chế phát sinh và biểu hiện thành chứng trạng. Căn nguyên thông qua cơ chế gây bệnh làm rối loạn công năng hoạt động của vận hóa tàng chứa của ngũ tạng công năng truyền tống của lục phủ hoặc rối loạn đường tuần hành của khí huyết vận hành trong kinh lạc,... mà sinh ra chứng trạng [4]. Một phương pháp điều trị được coi là trị được bệnh chứng nếu can thiệp được vào cơ chế bệnh sinh để

điều chỉnh hoạt động của tạng phủ, sơ thông được tuần hành khí huyết. Như vậy, luôn có sự thống nhất, logic khoa học giữa biểu hiện chứng trạng trên người bệnh với chẩn đoán, pháp điều trị và phương thuốc để người bệnh trị liệu. Những ví dụ dưới đây mô tả một số chứng bệnh thường gặp trong nghiên cứu này.

Với chứng Khái thấu, gồm 5 thể bệnh: Phong hàn, Phong nhiệt, Khí tảo, Đàm thấp và Thủy ảm. Chứng này liên quan đến công năng các tạng Phế, Can, Tỳ, Thận. Phế là tạng mềm yếu, dễ cảm phải ngoại tà và nội tà gây bệnh. Khi bị bệnh phế tuyên giáng thất thường, Phế khí thượng nghịch hình thành nên bệnh. Đối với thể bệnh nhiệt đàm, do đàm nhiệt ủng trệ, làm Phế mất thanh túc gây ho khạc thô và gấp, đờm dính đặc, sắc vàng... Đàm nhiệt uất chưng làm đờm khạc ra có mùi tanh nồng. Nhiệt tổn thương phế lạc gây đầy tức mạng sườn, khi ho đau tăng, hoặc đờm lẫn máu. Phế nhiệt



uất trệ bên trong gây sốt, khô miệng, thích uống. Chất lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng mỏng nhớt, mạch hoạt sắc. Vị thuốc được sử dụng trong thể bệnh này là lá tai tượng xanh. Có vị đắng, tính mát, công năng: Thanh nhiệt hóa đàm, chỉ khái dùng điều trị chứng phong nhiệt khái thấu nên quy vào kinh Phế. Tra cứu vị thuốc Lá tai tượng xanh trong tài liệu “Cây thuốc Việt Nam và những bài thuốc thường dùng” của Nguyễn Viết Thân [5], thông tin vị thuốc này thống nhất với nghiên cứu của chúng tôi về: tính, vị, công năng và chủ trị. Tuy nhiên, thông tin về quy kinh, thể bệnh cụ thể chưa được tác giả đề cập.

Chứng tý gồm 4 thể bệnh: Phong hàn thấp tý, phong thấp nhiệt tý, đàm ứ tắc trở và Can thận bất túc. Chứng tý liên quan tới công năng của các tạng Can, Tỳ, Thận. Can chủ gân. Can huyết hư không nuôi dưỡng được gân làm gân cơ co rút, teo. Thận chủ cốt tủy, thận tinh hao tổn làm cho cốt suy tủy rỗng, xương yếu, đau nhức trong xương. Tỳ chủ cơ nhục tứ chi. Tỳ khí hư không vận hóa được đồ ăn thức uống làm tứ chi mềm nhẽo. Tỳ khí hư không vận hóa được thủy thấp, thủy thấp ứ đọng dồn vào kinh lạc làm khí cơ không thông sướng, tắc trở gây đau nhức.

Đối với chứng tý thể thấp nhiệt, do thấp nhiệt tà xâm phạm, vị thuốc dùng trong điều trị thể này là cây vòi voi: tính hàn, vị đắng, công năng: “Hoạt huyết tiêu thũng, tán ứ chỉ thống” chủ trị: Chứng tý thể thấp nhiệt, huyết ứ tý trở; quy kinh can, tỳ. Tra cứu vị thuốc trong cuốn “Cây thuốc Việt Nam và những bài thuốc thường dùng” của Nguyễn Viết Thân [5], thông tin vị thuốc này trùng khớp với về: chủ trị so với kết quả nghiên cứu của chúng tôi. Trong cuốn “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam” của Đỗ Tất Lợi [6], thông tin vị thuốc này trùng khớp về: chủ trị so với nghiên cứu của chúng tôi. Tuy nhiên, cả hai tác giả chưa đề cập về tính, vị, quy kinh cũng như công năng của vị thuốc này.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi mô tả công năng và chủ trị của vị thuốc nam từ căn cứ ban đầu là thông tin thu thập được của người sử dụng thuốc nam ở cộng đồng và những người am hiểu về thuốc nam. Đây là phương pháp đặc thù của đề tài, đồng thời có thể cũng là điểm hạn chế của đề tài. Theo đó, kết quả mô tả trong nghiên cứu này có thể không trùng lặp với thông tin về vị thuốc đã được công bố trước đây; điều này được lý giải bởi một vị thuốc có thể được sử dụng theo nhiều

mục đích khác nhau, bởi nhiều kinh nghiệm khác nhau, điều trị nhiều mặt bệnh khác nhau,... do đó, có thể có và được mô tả công năng chủ trị khác nhau. Về tên gọi của vị thuốc sử dụng trong nghiên cứu này, chúng tôi tôn trọng và sử dụng theo tên gọi của người cung cấp; tên gọi này có thể mang tính chất vùng miền địa phương. Khi tiến hành nghiên cứu, nhóm tác giả đã thu thập mẫu cây tươi, làm mẫu tiêu bản để chuẩn bị cho bước định danh tên khoa học. Do hạn chế về thời gian và nguồn lực, phần xác định tên khoa học không được thiết kế trong nghiên cứu này. Để tiến tới sự chuẩn hóa và đảm bảo tính chính xác về thông tin của vị thuốc, ở những nghiên cứu tiếp theo, nhóm tác giả đề xuất phần công việc xác định tên khoa học của những cây thuốc đã được thu thập.

KẾT LUẬN

Mô tả được công năng, chủ trị của 102 vị thuốc nam với kết quả như sau:

Phần lớn các vị thuốc tập trung chủ yếu ở 3 nhóm chính: Tiết niệu - sinh dục, Cơ xương khớp và Hô hấp chiếm trên 60%. Trong đó: Các vị thuốc được sử dụng nhiều trong điều trị lâm chứng (61%); Chứng tý, ma mịch (90%) và đàm ả, khái thấu (53%). Tỷ lệ thấp nhất là các vị thuốc thuộc nhóm chủ trị bệnh Thần kinh - tâm thần (9%). Trong đó, phần lớn vị thuốc dùng điều trị thất miên (chiếm 44%); 33% vị thuốc còn lại để điều trị tăng huyết áp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thượng Dong.** *Nghiên cứu phát triển dược liệu và đông dược ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2006.
- Viện Dược liệu.** *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2016.
- Nguyễn Công Đức.** *Thuốc nam trị bệnh*, Nhà xuất bản thanh niên, thành phố Hồ Chí Minh, 2022.
- Bộ môn Nội, Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.** *Bài giảng bệnh học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2015.
- Nguyễn Viết Thân.** *Cây thuốc Việt Nam và những bài thuốc thường dùng*, Tập 1, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội, 2020.
- Đỗ Tất Lợi.** *Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2004.